

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11-5-2023

V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hồ Huy Cường
- Ông Nguyễn Văn Ninh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 631/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Thái Văn T, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số A C, Phường E, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Chị Tạ Thị K, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Anh T, chị K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14-11-2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Thái Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị K chung sống với nhau từ đầu năm 1992, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà cha mẹ ruột của chị K tại thị trấn G. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến

năm 2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng không có sự tin tưởng nhau, chị K làm ăn không bàn bạc với anh, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau. Vợ chồng ly thân từ năm 2009 đến nay, trong khoảng thời gian ly thân vợ chồng không gặp nhau để bàn về việc đoàn tụ, không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm không còn, anh yêu cầu ly hôn với chị K.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 03 con chung là cháu Thái Chí T1, sinh năm 1992; cháu Thái Văn P, sinh năm 1994 và cháu T2 Tạ Xuân M, sinh năm 2003. Hiện cháu T1 và cháu P đã thành niên và sống riêng với vợ chồng, cháu M sống cùng với anh. Con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Tạ Thị K trình bày:

Về hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh T về hôn nhân và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là đúng. Vợ chồng ly thân từ năm 2009 đến nay, trong khoảng thời gian ly thân vợ chồng không gặp nhau để bàn về việc đoàn tụ, không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm, mỗi người có cuộc sống riêng. Nay tình cảm không còn, chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 03 con chung như anh T trình bày là đúng, con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc T chia cho chị số tiền 200.000.000 đồng. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai, cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên Tòa trình bày:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Thái Văn T và chị Tạ Thị K; con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên không xem xét giải quyết; tài sản chung chị K có yêu cầu chia 200.000.000 đồng, Tòa án đã tổng đạt thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng hết

thời hạn chị K không nộp tạm ứng án phí vì vậy không xem xét giải quyết; nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Thái Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Tạ Thị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh chị theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh Thái Văn T và chị Tạ Thị K chung sống với nhau từ năm 1992, nhưng không đăng ký kết hôn, vì vậy hôn nhân của anh chị không hợp pháp. Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị K là có căn cứ.

[3] Về con chung: Anh chị có 03 người con chung là các cháu Thái Chí T1, sinh năm 1992; Thái Văn P, sinh năm 1994 và T2 Tạ Xuân M, sinh năm 2003, con chung đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống được nên anh chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh T không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Tạ Thị K có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T chia cho chị số tiền là 200.000.000 đồng. Tòa án đã tổng đạt thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho chị nhưng hết thời hạn nộp tiền tạm ứng án phí chị vẫn không nộp do đó Tòa án không thụ lý, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Thái Văn T và chị Tạ Thị K là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh chị có 03 người con chung là các cháu Thái Chí T1, sinh năm 1992; Thái Văn P, sinh năm 1994 và T2 Tạ Xuân M, sinh năm 2003, con chung đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống được nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Thái Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0024950 ngày 29-11-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Anh T đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh T, chị K có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đình Văn

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân

Nơi nhận:

- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THA Bến Cầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Vân

